

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2026

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH VỀ BAN HÀNH ĐƠN GIÁ TRỒNG RỪNG THAY THẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Kết quả như sau:

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ**

**1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Quyết định**

Hiện nay, về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch UBND tỉnh đã được quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15).

Về thẩm quyền quyết định đơn giá trồng rừng thay thế: Tại Điều 21 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15 quy định “3. Số tiền trồng rừng thay thế mà chủ đầu tư dự án phải nộp bằng diện tích quy định tại khoản 2 Điều này nhân với **đơn giá trồng rừng thay thế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định**”; tại điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT quy định “3. Kinh phí thực hiện trồng rừng thay thế: a) **Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đơn giá** hoặc điều chỉnh đơn giá trồng rừng thay thế khi cần thiết phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật trồng rừng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. **Việc ban hành đơn giá tuân thủ theo quy định của pháp luật**”. Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên, thẩm quyền quyết định đơn giá trồng rừng thay thế thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

Về quy định các trường hợp phải nộp tiền trồng rừng thay thế: Căn cứ quy định tại Điều 21 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15 quy định: “1. Các trường hợp phải nộp tiền trồng rừng thay thế: a) Có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; b) Có chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sau khai thác trắng rừng trồng hoặc chuyển mục đích sử dụng đất có rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành

rừng; c) Trường hợp không phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với rừng sản xuất là rừng trồng quy định tại khoản 5 Điều 14 của Luật này.”. Như vậy, ngoài trường hợp có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải nộp tiền trồng rừng thay thế thì bổ sung thêm các trường hợp khác tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15 nêu trên.

Về quy định dự toán đối với công trình lâm sinh:

- Tại điểm c khoản 3 Điều 10 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT quy định: **“Trồng rừng thay thế là công trình lâm sinh trong dự án thuộc trường hợp phải nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Lâm nghiệp. Thiết kế, dự toán trồng rừng thay thế được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đơn giá xây dựng dự toán theo quy định của địa phương nơi tổ chức trồng rừng thay thế. Việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán và xử lý rủi ro trong giai đoạn đầu tư thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 58/2024/NĐ-CP; thực hiện nghiệm thu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;”**.

- Tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, quy định: **“a) Chi phí xây dựng công trình lâm sinh: Chi phí trực tiếp gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công; Chi phí gián tiếp gồm chi phí chung, chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công và chi phí cho một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế. Chi phí gián tiếp được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) theo quy định của pháp luật về xây dựng; Thu nhập chịu thuế tính trước: được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) tổng chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp theo quy định của pháp luật về xây dựng; Thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định hiện hành. b) Chi phí thiết bị, gồm: mua sắm công cụ, máy móc, thiết bị công nghệ (kể cả thiết bị công nghệ cần sản xuất, gia công), lắp đặt và thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị, vận chuyển, bảo hiểm thiết bị, đào tạo và chuyển giao công nghệ phục vụ công trình lâm sinh; c) Chi phí quản lý: được tính trên cơ sở định mức tỷ lệ phần trăm (%) của tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị hoặc được xác định bằng dự toán chi tiết, gồm: chi phí tổ chức quản lý công trình lâm sinh từ giai đoạn chuẩn bị đến khi kết thúc, nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng; d) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) theo quy định của pháp luật xây dựng hoặc được xác định bằng dự toán chi tiết trên cơ sở phạm vi, khối lượng công việc, kế hoạch thực hiện, gồm: khảo sát; lập thiết kế, dự toán; giám sát và các chi phí tư vấn khác có liên quan; đ) Chi phí dự phòng, chi phí khác. e) Đối với các chi phí quản lý, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí dự phòng, chi phí khác được áp dụng định mức tỷ lệ phần trăm (%) đối với loại công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.”**.

Như vậy, dự toán công trình lâm sinh trồng rừng thay thế (các chi phí xây dựng) hiện nay đã được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 nêu trên.

Từ các quy định nêu trên, quy định pháp luật về lâm nghiệp và pháp luật có liên quan đã có nhiều thay đổi, mức lương cơ sở tăng, giá cả thị trường thời gian qua có nhiều biến động nên đơn giá trồng rừng thay thế theo Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh hiện không còn phù hợp. Vì vậy, để đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được xây dựng đúng định mức - kinh tế kỹ thuật, dự toán theo các quy định của pháp luật hiện hành, nhằm đảm bảo nguồn tài chính để thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương thì việc ban hành Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là rất cần thiết trong tình hình hiện nay.

## **2. Mục đích, yêu cầu đánh giá**

### **2.1. Mục đích đánh giá**

- Việc quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nhằm tuân thủ các quy định của pháp luật về trách nhiệm, thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh và để cụ thể hóa các nguyên tắc, phương pháp và hướng dẫn từ các văn bản quy phạm pháp luật cấp trên để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau sắp xếp).

- Quyết định về Quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là một công cụ quản lý nhà nước quan trọng, được sử dụng chung và lặp đi lặp lại cho nhiều trường hợp nhằm xác định đơn giá trồng rừng thay thế trong các hoạt động lâm nghiệp.

- Việc ban hành Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (văn bản quy phạm pháp luật) sẽ đảm bảo tính pháp lý cao, có tính thống nhất và minh bạch trong các giao dịch, hoạt động liên quan đến lâm nghiệp.

### **2.2. Yêu cầu đánh giá**

- Đơn giá trồng rừng thay thế được quy định rõ ràng, minh bạch và có cơ sở pháp lý sẽ góp phần hạn chế tiêu cực, thất thoát tài sản nhà nước, bổ sung nguồn lực để đầu tư vào lĩnh vực phát triển rừng trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy phát triển lâm nghiệp bền vững.

- Quyết định này quy định đơn giá trồng rừng thay thế địa bàn tỉnh Đắk Lắk để áp dụng cho các trường hợp sau:

+ Là cơ sở cho chủ đầu tư dự án nộp tiền trồng rừng thay thế đối với các trường hợp phải nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15.

+ Là cơ sở để đơn vị được giao thực hiện trồng rừng thay thế (trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên và các biện pháp lâm sinh khác) tại điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT tổ chức lập, trình phê duyệt thiết kế, dự toán kinh phí, tổ chức thực hiện, quản lý, bảo vệ, nghiệm thu hoàn thành diện tích trồng rừng thay thế theo đúng quy định.

+ Là cơ sở để thực hiện hỗ trợ trồng rừng sản xuất gỗ lớn tại địa phương

theo quy định.

## **II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

### **1. Đánh giá thủ tục hành chính**

Nội dung của dự thảo Quyết định này để thực hiện quy định về nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án tại Điều 11 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT. Thủ tục hành chính này được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố tại Quyết định số 1/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; theo đó, đã bổ sung, thay thế thủ tục hành chính “Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế” thành thủ tục hành chính “Nộp tiền trồng rừng thay thế” (số hồ sơ TTHC 1.007916).

Trên cơ sở Quyết định số 1/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 10/01/2026; theo đó, quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính nộp tiền trồng rừng thay thế 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án; 27 ngày làm việc đối với trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác. Nội dung các thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm tương ứng đã được công bố tại các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định số 194/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành.

Như vậy, không làm phát sinh TTHC mới hoặc thay đổi nội dung TTHC hiện hành. Do đó, không thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính.

### **2. Việc phân quyền, phân cấp**

Trong dự thảo Quyết định không có quy định về phân quyền, phân cấp.

### **3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Trong dự thảo Quyết định không có quy định về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

### **4. Việc bảo đảm bình đẳng giới**

Các quy định trong dự thảo Quyết định được áp dụng chung cho mọi tổ chức, cá nhân có liên quan, không mang tính phân biệt và không làm thay đổi các chính sách về giới, về dân tộc. Do đó, cơ quan soạn thảo không thực hiện đánh giá tác động chuyên sâu về hai vấn đề này.

### **5. Việc thực hiện chính sách dân tộc (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về chính sách dân tộc)**

Trong dự thảo Quyết định không có quy định về chính sách dân tộc.